

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ.A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Bản án số: 18/2024/HSST
Ngày 02/02/2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ.A, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Đông

2. Bà Hoàng Thị An

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Kỳ Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.A,
Thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.A tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Việt Hà - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 01 và 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ.A, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2024/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Đ.H.T; giới tính: Nam; tên gọi khác: không có; sinh năm 2000, tại Hà Nội; nơi thường trú: thôn Đ.C, xã Đông Sơn, huyện C.M, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5 /12; con ông: Đ.H.L, sinh năm 1980; con bà C.T.N, sinh năm 1979; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1. Nhân thân bị cáo:

- Tiền án: không có

- Tiền sự:

+ Ngày 09/5/2016, Công an huyện C.M xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 14/7/2016, Công an huyện C.M xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 15/12/2016, Công an huyện C.M xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi Cất giữ, sử dụng tài sản của người khác mà biết rõ tài sản đó do vi phạm pháp luật mà có.

+ Ngày 13/3/2018, Công an huyện C.M xử phạt hành chính 375.000 đồng về hành vi tập trung đông người gây mất an ninh trật tự.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/11/2023 đến nay tại trại giam số 1- Công an TP Hà Nội. Có mặt.

2. Họ và tên: Đ.H.To; giới tính: Nam; tên gọi khác: không có; sinh năm 2002, tại Hà Nội; nơi thường trú: thôn Đ.C, xã Đông Sơn, huyện C.M, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5 /12; con ông: Đ.H.L, sinh năm 1980; con bà C.T.N, sinh năm 1979; có vợ là Nguyễn Mai T.U, sinh 2004 và có 01 con, sinh năm 2021.

Nhân thân bị cáo:

- T án: không có.

- Tiền sự:

+ Ngày 09/5/2016, Công an huyện C.M xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 14/7/2016, Công an huyện C.M xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 15/12/2016, Công an huyện C.M xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 13/3/2018, Công an huyện C.M xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi tập trung đông người gây mất an ninh trật tự.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn « Cấm đi khỏi nơi cư trú ». Có mặt.

Bị hại: Cháu Nguyễn Văn Đức, sinh ngày 27/07/2007; nơi cư trú: thôn Vũ Xá, xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. *Vắng mặt.*

Đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Văn Đức: Ông Nguyễn Văn Đồng, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn Vũ Xá, xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam (bố đẻ của cháu Đức). *Vắng mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Ngọc Sơn, sinh 2001; nơi cư trú: thôn Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đ.A; thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

2. Trần Tuấn Anh, sinh năm 1997; nơi cư trú: thôn Đông Hạ, xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.A, Thành phố Hà Nội truy tố:

Khoảng 15 giờ 00 ngày 13/8/2023, Công an xã Kim Chung huyện Đ.A nhận được đơn trình báo của anh Nguyễn Ngọc Sơn – sinh 2001 ở thôn Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đ.A về việc khoảng 10 giờ 00 ngày 05/8/2023 anh đến quán Internet T Dững ở thôn Hậu Dưỡng, xã Kim Chung chơi đến 14 giờ cùng ngày anh cho Nguyễn Văn Đức sinh 2007 ở huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đến mượn xe máy Honda AIRBLADE BKS 29S1-179.38 trị giá 15.000.000 đồng của anh để đi về phòng trọ tại thôn Hậu Dưỡng, xã Kim Chung. Đến 14 giờ 20 cùng ngày anh Đức báo xe bị lấy trộm. Anh Đức và anh Sơn đến cơ quan công an trình báo.

Quá trình điều tra xác định :

Khoảng đầu năm 2023, cháu Nguyễn Văn Đức (SN: 2007; trú tại: thôn Vũ Xá, xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam) đến xã Kim Chung, huyện Đ.A

quen biết với Đ.H.T (SN: 2000; trú tại: Đ.C, Đông Sơn, C.M, Hà Nội) và ở nhờ phòng trọ của T tại thôn Hậu Dưỡng, xã Kim Chung, huyện Đ.A .

Khoảng 13 giờ 15 ngày 05/8/2023, khi cháu Đức chơi điện tử tại quán “T Dũng” thuộc thôn Hậu Dưỡng, xã Kim Chung, huyện Đ.A cùng với anh Nguyễn Ngọc Sơn thì nhận được tin nhắn của Đ.H.T hỏi mượn xe máy để chở em trai ra bến xe buýt. Cháu Đức mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AIRBLADE, sơn màu đồng, BKS: 29S1-179.38 của anh Sơn đi đến gặp T và Đ.H.To (SN: 2002; em trai T) tại cổng thôn Hậu Dưỡng, xã Kim Chung, huyện Đ.A. To điều khiển chiếc xe máy chở cả ba người đưa Đức về cổng phòng trọ sau đó chở T ra bến xe buýt xã Kim Chung, Đ.A, Hà Nội. Trên đường đi T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy mượn của cháu Đức đem cầm cố lấy tiền nên bảo To đi xe về nhà. T bảo To tìm người cầm cố xe máy. To nhắn tin và cùng T đến gặp anh Trần Bá Thành (SN: 1997; trú tại: thôn Thanh Nê, xã Thanh Bình, huyện C.M; hiện ở: thôn Đông Hạ, xã Đông Yên, huyện Quốc Oai) hỏi cầm cố. T và To đến nhà Thành gặp Thành và anh Trần Tuấn Anh (SN: 1997; trú tại: thôn Đông Hạ, xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, Hà Nội) nói chiếc xe máy là của bố T cho T sử dụng nhờ cầm hộ. Thành từ chối, Tuấn Anh đồng ý. Tuấn Anh liên lạc qua Facebook với một người bạn tên Duy (chưa rõ lai lịch) hỏi cầm cố thì Duy bảo mang xe đến cây xăng Cán Hữu thuộc xã Cán Hữu, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội gặp Duy. Tuấn Anh bảo Duy chiếc xe máy do một người bạn nhờ cầm cố, xe máy là của bố người này, giấy tờ xe bố người này giữ. Duy đồng ý cho Tuấn Anh vay 4.000.000 đồng, thỏa thuận để chiếc xe máy trên tại nhà Tuấn Anh và khi nào người vay có tiền trả thì Tuấn Anh chỉ cần đưa tiền cho Duy. Tuấn Anh điều khiển chiếc xe máy trên mang về nhà cất sau đó mang 4.000.000 đồng về đưa cho T. T chia cho To 1.500.000 đồng, số còn lại sử dụng hết.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Trần Tuấn Anh: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AIRBLADE, sơn màu đồng, BKS: 29S1-179.38, số khung: 675246, số máy: 1391126.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Đ.A kết luận: chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AIRBLADE, sơn màu đồng; BKS: 29S1-179.38, số khung: 675246, số máy: 1391126 trị giá: 15.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra:

Nguyễn Văn Đức ban đầu khai T tự ý chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AIRBLADE đeo BKS 29S1-179.38 nhưng sau đó, đã thay đổi lời khai, đính chính việc cháu Đức đồng ý cho T mượn xe máy nhãn hiệu Honda AIRBLADE đeo BKS 29S1-179.38 để chở To ra bến xe nhưng do T không mang xe về trả, sợ phải chịu trách nhiệm đền xe cho anh Sơn nên đã khai không chính xác. Bản thân cháu Đức chỉ đồng ý cho T mượn xe để chở To ra bến xe, không biết việc T cầm cố xe. Ngày 27/10/2023, Công an huyện Đ.A Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn Đức về hành vi *Báo thông tin giả, không đúng sự thật đến các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền*, quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 7 Nghị định 144/2021/NĐ-CP.

Trần Tuấn Anh không biết xe máy nhãn hiệu Honda AIRBLADE, BKS: 29S1-179.38 do T, To phạm tội mà có nên không đồng phạm về hành vi Lạm dụng tín nhiệm và không phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với xe máy Honda AIRBLADE, BKS: 29S1-179.38 Chủ đăng kí xe là ông Nguyễn Văn Trung (SN: 19; trú tại: Hậu Dường, Kim Chung, Đ.A, Hà Nội; bố đẻ anh Nguyễn Ngọc Sơn). Ông Nguyễn Văn Trung đã giao cho anh Sơn quản lý và sử dụng. Anh Sơn cho cháu Đức mượn sau đó cháu Đức cho T mượn, T mang đi cầm cố. Ngày 07/11/2023, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả xe cho Đức, Đức trả lại xe máy trên cho anh Sơn. Anh Đức, anh Sơn sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu gì khác.

Đối với nam thanh niên tên Duy anh Tuấn Anh chỉ biết tên, không rõ tên tuổi đầy đủ, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để điều tra làm rõ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau; Tuấn Anh không có ý kiến gì về số tiền 4.000.000 đồng đã đưa cho T.

Về phần dân sự:

Anh Nguyễn Văn Đức, Trần Tuấn Anh không yêu cầu bồi thường dân sự gì.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS-HM, ngày 29/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.A, Thành phố Hà Nội, truy tố bị cáo Đ.H.T và Đ.H.To về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (dưới đây gọi chung là Bộ luật Hình sự năm 2015).

[2] Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận To bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.A truy tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

- Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, chủ toa phiên tòa đã công bố lời khai của họ tại Cơ quan điều tra. Các bị cáo nghe rõ các lời khai của họ, công nhận họ khai đúng sự thật. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không còn yêu cầu khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.A, Thành phố Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; động cơ, mục đích và nhân thân của từng bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 175; Điều 32; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đ.H.T từ 10 đến 12 tháng tù; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; Điều 32; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đ.H.To từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết, nên không xem xét.

[3] Phần tranh luận tại phiên tòa:

Sau khi Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo và phát biểu quan điểm về hướng giải quyết To bộ vụ án. Các bị cáo, thừa nhận Kiểm sát viên luận tội là đúng, không tranh luận gì.

[4] Lời nói sau cùng của bị cáo:

- Bị cáo Trần Hữu T: xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

- Bị cáo Trần Hữu To: xin Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHÂN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ.A, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.A và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các Cơ quan T hành tố tụng và người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi vi phạm của bị cáo bị truy tố:

Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo đúng với các lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; phù hợp với tang vật của vụ án cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 13h20' ngày 05/8/2023, tại xã Kim Chung, huyện Đ.A, thành phố Hà Nội, các bị cáo Đ.H.T đã có hành vi mượn xe máy Honda AIRBLADE, sơn màu đồng, biển kiểm soát: 29S1-179.38, trị giá 15.000.000 đồng của cháu Nguyễn Văn Đức với mục đích chở bị cáo Đ.H.To ra bến xe buýt. Sau đó, bị cáo Đ.H.T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy, bị cáo Đ.H.To đồng ý và cả hai bị cáo mang xe máy đi cầm cố lấy 4.000.000đ dẫn đến không có khả năng trả lại xe máy cho cháu Nguyễn Văn Đức.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Trần Hữu T, sinh năm 2000, bị cáo Trần Hữu To, sinh năm 2002 là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.A truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Hội đồng xét xử, xét hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn. Xác định hành vi phạm tội của các bị cáo là tội phạm ít nghiêm trọng. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự xã hội; làm mất lòng tin giữa con người với nhau. Do vậy, cần phải xử lý các bị cáo nghiêm bằng pháp luật hình sự.

Tuy nhiên, vụ án có đồng phạm cần phải đánh giá tính chất tham gia đồng phạm, vai trò của từng bị cáo để phân hóa trách nhiệm hình sự cho phù hợp. Xét thấy bị cáo Đ.H.T là anh trai không gương mẫu, là người khởi xướng và được hưởng tiền

do hành vi phạm tội mà có nhiều hơn bị cáo Đ.H.To. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt của bị cáo Đ.H.T cao hơn bị cáo Đ.H.To.

Nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo tại quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về tình tiết tăng nặng: không có.

Hội đồng xét xử xét thấy: mặc dù các bị cáo chưa có tiền án song nhân thân bị cáo xác định là rất xấu, bởi trong thời gian rất ngắn (từ 2016 đến 2018) các bị cáo liên tục vi phạm pháp luật bị xử hành chính về các hành vi “trộm cắp tài sản” và “tập trung đông người gây mất an ninh trật tự”. Vì vậy, cần phải cách ly cả hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Mục đích, nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung.

Đối với tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền, theo khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015. Song, Hội đồng xét xử, xét thấy các bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, nên không áp dụng.

[4] Biện pháp tư pháp:

Đối với xe máy nhãn hiệu Honda AIRBLADE, BKS: 29S1-179.38 bị các bị cáo chiếm đoạt nhưng đã được thu hồi và trả lại chủ sở hữu, nên không xét.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng các bị cáo có được do thực hiện hành vi phạm tội mà có. Quá trình điều tra anh Trần Tuấn Anh không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa, bị cáo Đ.H.T khẳng định đã trả anh Trần Tuấn Anh đủ bằng hình thức chuyển khoản. Đây là quan hệ dân sự, sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án, theo quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 32; Điều 38; Điều 47; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo;

Căn cứ vào Điều 89; 136, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hình phạt chính:

1.1. Xử phạt bị cáo Đ.H.T **12 (mười hai) tháng tù** về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

1.2. Xử phạt bị cáo Đ.H.To **10 (mười) tháng tù** về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Biện pháp tư pháp: Đối với chiếc xe máy Honda Airblade, biển kiểm soát 29Y3-665.67 mà các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả bị hại đầy đủ; bị hại không còn yêu cầu khác. Tòa không xét.

4. Về án phí: các bị cáo Đ.H.T và Đ.H.To, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người đại diện (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; người có quyền, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ.A;
- Công an huyện Đ.A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.A;
- Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Quang Chiêu